

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 546/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ

2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 388/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 444/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 23, ấp Hưng Lợi, xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trương Thanh P, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 23, ấp Hưng Lợi, xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà với ông Trương Thanh P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, từ đó đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu đầm ấm, hạnh phúc, nhưng về sau đời sống vợ chồng không còn hòa hợp, do vợ chồng dặt đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Ông P thường xuyên uống rượu và mâu thuẫn với bà. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 05 tháng, ai có cuộc sống riêng. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Thanh P

Bà với ông Trương Thanh P chung sống có 02 con chung tên Trương Văn Vsinh năm 1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động được và Trương Văn B sinh năm 1997, bị bệnh chất độc màu da cam không có khả năng lao động, không có khả năng nói chuyện trình bày ý kiến, Hiện nay Trương Văn B đang sống với ông Trương Thanh P. Sau ly hôn, bà đồng ý giao con chung tên Trương Văn B cho ông Trương Thanh P trực tiếp nuôi, tự nguyện cấp dưỡng nuôi Trương Văn B mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trương Thanh P trình bày:

Ông với bà Lê Thị T tự nguyện chung sống với nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau đã 27 năm khoảng từ năm 1994 đến nay. Vợ chồng ông không đăng ký kết hôn. Ông với bà Lê Thị T có 02 con chung tên Trương Văn V sinh ngày 19/9/1997, đã thành niên và có khả năng tự lao động và Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997, đã thành niên và không có khả năng lao động được, nguyên nhân do bị bệnh mất khả năng lao động (chất độc màu da cam). Hiện nay Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997 do ông đang trực tiếp nuôi.

Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn, thỉnh thoảng hay cãi nhau, còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị T. Vì còn yêu thương vợ con nên muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly, thì ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997 không có khả năng lao động do bị bệnh chất độc màu da cam, yêu cầu bà Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Giữ yêu cầu ly hôn với ông Trương Thanh P; đồng ý giao con chung tên Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997 bị bệnh không có khả năng lao động cho ông P trực tiếp nuôi, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Trương Thanh P trình bày: Không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị T; đồng ý tiếp tục chăm sóc và nuôi con chung tên Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997 bị bệnh không có khả năng lao động; đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng của bà T; Yêu cầu chia tài sản chung là 15 chỉ vàng và yêu cầu bà T trả lại 150.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà Lê Thị T và ông Trương Thanh P đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và có mặt tại phiên tòa.

Bà Lê Thị T và ông Trương Thanh P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn. Do bà T và ông P chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị T và ông Trương Thanh P.

Con chung của bà Lê Thị T và ông Trương Thanh P là Trương Văn Vsinh ngày 19/9/1997, đã thành niên và có khả năng tự lao động và Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997, đã thành niên và không có khả năng lao động được. Bà T và ông P thống nhất ông P là người trực tiếp nuôi Trương Văn B và bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà Lê Thị T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, ông P không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nhưng tại phiên tòa hôm nay ông P yêu cầu chia tài sản chung là 15 chỉ vàng và yêu cầu bà T trả lại 150.000.000đồng là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung giữa bà T với ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn. Bị đơn ông Trương Thanh P cư trú tại xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Thanh P không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Tại phiên tòa, ông Trương Thanh P yêu cầu chia tài sản chung là 15 chỉ vàng và yêu cầu bà Lê Thị T trả lại 150.000.000đồng. Tòa án chưa thu thập tài liệu chứng cứ để xem xét yêu cầu của ông P. Ông Trương Thanh P bổ sung yêu cầu vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ban đầu. Vì vậy, Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng không chấp nhận bổ sung yêu cầu của ông P về phân chia tài sản khi ly hôn và yêu cầu bà T trả tiền. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Bà Lê Thị T và ông Trương Thanh P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng đến nay bà T và ông P không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị T và ông Trương Thanh P thống nhất có 02 con chung tên Trương Văn Vsinh ngày 19/9/1997 và Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997. Trương Văn Vsinh ngày 19/9/1997 đã thành niên và có khả năng tự lao động. Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997 đã thành niên và không có khả năng lao động được, nguyên nhân do bị bệnh mất khả năng lao động (chất độc màu da cam). Hiện nay Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997 do ông P đang trực tiếp nuôi.

[2.2] Tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”. Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Bà Lê Thị T và ông Trương Thanh P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có 02 con chung tên Trương Văn Vsinh ngày 19/9/1997 và Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Vậy, Bà Lê Thị T và ông Trương Thanh P không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[2.3] Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Bà Lê Thị T có yêu cầu ly hôn với ông Trương Thanh P. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị T và ông Trương Thanh P.

[2.4] Con chung giữa bà Lê Thị T và ông Trương Thanh P là Trương Văn Vsinh ngày 19/9/1997 và Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997. Trương Văn V đã thành niên và có khả năng tự lao động. Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997, đã thành niên và không có khả năng lao động, do bị bệnh. Bà T và ông P trình bày Trương Văn B bị bệnh không thể trình bày ý kiến, nguyện vọng và nói chuyện nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của Trương Văn B. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Bà T và ông P thống nhất thỏa thuận ông P là người trực tiếp nuôi Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997 sau ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997 cho ông Trương Thanh P trực tiếp nuôi.

Bà T và ông P thống nhất thỏa thuận bà Lê Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con tên Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997, phương thức cấp dưỡng hằng tháng, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo

quy định của pháp luật. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do bà Lê Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các điều 14, 53, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị T và ông Trương Thanh P.

Về con chung: Giao con chung của bà Lê Thị T và ông Trương Thanh P là Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997 (hiện đang sống với ông Trương Thanh P) cho ông Trương Thanh P trực tiếp nuôi.

Bà Lê Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con tên Trương Văn B sinh ngày 19/9/1997, phương thức cấp dưỡng hằng tháng, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Lê Thị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Trương Thanh P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Lê Thị T. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án

phí về ly hôn và 150.000đồng án phí về cấp dưỡng, được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0000357 ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của bà Lê Thị T và ông Trương Thanh P là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Điệp